TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – ĐN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21/7/2025
Về việc "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – ĐN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông: Nguyễn Văn Hưng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Nguyễn Sỹ Luận
Ông: Nguyễn Duy Khải

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần M Toản – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – ĐN.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – ĐN tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Hồ Yến Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - ĐN xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2025/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 01 năm 2025 về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* chị Trần Thị L, sinh năm: 1990; Địa chỉ (cũ): khu phố Bình Giang 1, phường Sơn Giang, thị xã PL, tỉnh BP; Địa chỉ hiện nay: khu phố Bình Giang 1, phường PL, tỉnh ĐN– Có đơn vắng mặt.

- *Bị đơn:* anh Trần Ngọc C, sinh năm: 1986; Địa chỉ (cũ): khu phố Bình Giang 1, phường Sơn Giang, thị xã PL, tỉnh BP; Địa chỉ hiện nay: khu phố Bình Giang 1, phường PL, tỉnh ĐN - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu ly hôn và các biên bản làm việc, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị L và anh Trần Ngọc C tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Sơn Giang, thị xã PL, tỉnh BP (theo Giây chứng nhận đăng ký kết hôn số: 20/2016, ngày 19/9/2016). Vợ chồng chị L, anh C chung sống hạnh phúc được một thời gian đến cuối năm 2020 giữa chị L, anh C phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày, vợ chồng không còn tiếng nói chung, mâu thuẫn hôn nhân ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được, chị L thấy mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh C.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị L và anh C có 02 con chung tên Trần Công M, sinh ngày: 10/03/2017 và Trần Quang M, sinh ngày: 10/3/2017. Chị L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Chị L không yêu cầu anh C chu cấp nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, về nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: anh Trần Ngọc C đã được Tòa án tống đạt đầy đủ, hợp lệ, các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, chị L đề nghị không tiến hành hòa giải, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn: Chị L có yêu cầu được xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đó là: Yêu cầu ly hôn với anh Trần Ngọc C; Yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Công M, sinh ngày: 10/03/2017 và Trần Quang M, sinh ngày: 10/3/2017 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Ngoài ra chị L không có yêu cầu gì thêm.

Bị đơn: anh anh Trần Ngọc C vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11–ĐN phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị L về việc "*Ly hôn, nuôi con",* đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L với anh C, đề nghị giao 02 con chung Trần Công M, sinh ngày: 10/03/2017 và Trần Quang M, sinh ngày: 10/3/2017 cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung chị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị L thuộc trường hợp *"Ly hôn, nuôi con"* được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Trần Ngọc C có địa chỉ tại khu phố Bình Giang 1, phường Sơn Giang, thị xã PL, tỉnh BP (cũ) nay là khu phố Bình Giang 1, phường PL, tỉnh ĐN. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – ĐN.

[2]. Về tố tụng:

Tòa án đã tiến hành các thủ tục xác M, tống đạt các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa...theo đúng quy định của pháp luật nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3]. Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: chị Trần Thị L và anh Trần Ngọc C tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Sơn Giang, thị xã PL, tỉnh BP (theo Giây chứng nhận đăng ký kết hôn số: 20/2016, ngày 19/9/2016), đây là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống, giữa chị L anh C chung sống với nhau hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2020 thì hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nguyên nhân chính là do vợ chồng hợp bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày, tính tình không hòa hợp, không thống nhất được mọi việc sinh hoạt trong gia đình. Vì vậy chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh C.

Tòa án đã tiến hành xác M tại nơi cư trú và xác định được nguyên nhân dẫn đến yêu cầu ly hôn của chị L là do anh C không chăm lo cho cuộc sống chung của vợ chồng, thường xuyên chơi bời, không tu chí làm ăn mọi sinh hoạt gia đình do chị L tự chi trả, kinh tế không ổn định hai vợ chồng chị L anh C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hiện tại chị L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị L, anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thị L.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị L và anh C có 02 con chung. Chị L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung là Trần Công M, sinh ngày: 10/03/2017 và Trần Quang M, sinh ngày: 10/3/2017 cho đến các con chung đủ 18 tuổi, hiện tại công việc của chị L là giao viên cấp 1 dạy học tại trường tiểu học Chu Văn An phường Phước Bình, tỉnh ĐN thu nhập ổn định hàng tháng từ trên 10.000.000đ, tại các bản trình bày ý kiến cháu Công M và cháu Quang M đều có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với chị L, mặt khác tại phiên tòa bị đơn anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Để đảm bảo cho sự phát triển của con chung, HĐXX xét thấy cần tiếp tục giao các con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Trần Thị L không yêu cầu anh Trần Ngọc C cấp nuôi con chung. Vì vậy HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị L không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết:

326/2016/NQ-UBTVQH của Ủy ban thường vụ quốc hội. Nguyên đơn chị Trần Thị L phải chịu theo quy định.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51; Điều 56 và Điều 57; các điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* của nguyên đơn chị Trần Thị L với bị đơn anh Trần Ngọc C.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* chị Trần Thị L được ly hôn với anh Trần Ngọc C.

2. *Về con chung:* Giao 02 con chung tên: Trần Công M, sinh ngày: 10/03/2017 và Trần Quang M, sinh ngày: 10/3/2017 cho chị Trần Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Anh Trần Ngọc C không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Các bên đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

4. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Chị Trần Thị L phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã PL, tỉnh BP (cũ) theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 0003357, ngày 02/01/2025.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh ĐN;
- VKSND khu vực 11;
- Phòng THA DS khu vực 11;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Hưng